

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HS -ST

Ngày: 24-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ký

2. Ông Trần Ngọc Châu

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thanh Hương – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2018/HSST ngày 05/10/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S; sinh năm 1990; tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; trú tại: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Hoàng Thị L; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 09/4/2013 bị Công an xã Hà Vân xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa thi hành quyết định này.

- Ngày 10/5/2013 bị Công an xã Hà Bắc xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa chấp hành quyết định.

- Tại bản án số 40/2013/HSST ngày 19/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 03/6/2014.

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2018 đến ngày 31/7/2018 chuyển tạm giam đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: anh Phạm Duy T, sinh năm 1978 và chị Phạm Thị L, sinh năm 1982.

Đều trú tại: thôn 7, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh T, chị L đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Hoàng Thị L, sinh năm 1968

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 25/7/2018, Nguyễn Văn S, đi xe đạp từ nhà ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa lên xã H, khi đi đến nhà anh Phạm Duy T và chị Phạm Thị L ở thôn 7, xã H, huyện H, thấy cửa cổng không đóng, S dựng xe đạp ở ngoài cổng rồi đi bộ vào trong nhà và đi vào phòng ngủ của gia đình anh T, thấy trên nóc kết sắt đặt sát tường ở bên trái cửa ra vào cạnh chiếc tủ gỗ có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, một điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen màu vàng và một chiếc ví vải màu nâu xám, bên trong có số tiền 370.000 đồng. S lấy toàn bộ số tài sản trên cho vào túi quần đang mặc, rồi ra cổng lấy xe đạp để tẩu thoát thì bị anh T từ ngoài vườn đi vào nhà phát hiện và đuổi theo. Thấy vậy, S đã ném cả hai chiếc điện thoại cùng chiếc ví vừa trộm cắp được xuống nương nước để tẩu tán. Sau đó, anh T đuổi kịp và bắt giữ S đưa quay trở lại nhà anh T để làm việc. Tại đây, S thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản, xin vợ chồng anh T đưa xe đạp để quay lại chỗ vị trí nương nước mà S ném điện thoại và ví để lấy trả lại cho gia đình anh T. Tuy nhiên, khi đi được một đoạn S bỏ xe đạp lại và chạy ra cánh đồng để tẩu thoát nhưng bị anh T đuổi kịp, bắt giữ và báo cho Công an xã H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình anh T tìm thấy một chiếc ví màu xám sọc bên trong có số tiền 370.000 đồng tại vị trí cổng sắt. Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu Itel P51 màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, một điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen B22 màu vàng, Sơn khai bỏ lại ở rìa nương nước tiêu úng xã H, cách vị trí nhà anh Tuấn 100m về phía Nam, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Hà Trung phối hợp với Công an xã H truy tìm nhưng không thấy, nên đã tiến hành thu giữ hai vỏ hộp đựng điện thoại nói trên của gia đình anh T để phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án.

Vật chứng thu giữ: một xe đạp màu đen, dạng xe cào cào, trước xe có gắn giỏ, xe đã cũ; một chiếc ví màu xám sọc, bên trong có số tiền 370.000 đồng; một vỏ hộp đựng điện thoại di động nhãn hiệu Itel P51 màu đỏ xanh, hộp dạng hình vuông, phía đáy hộp có số imel: 357549083980446; một vỏ hộp đựng điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen B22 màu vàng, hộp dạng hình chữ nhật, cạnh hộp có in số imel: 863305333172129.

Ngày 30/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hà Trung kết luận: một điện thoại di động nhãn hiệu Itel P51 màu vàng đồng, màn hình cảm ứng tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị 1.600.000 đồng; một điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen B22 màu vàng, tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 150.000 đồng. Tổng giá trị hai chiếc điện thoại là 1.750.000 đồng.

Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 03/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ được đủ cơ sở khẳng định: ngày 25/7/2018 tại thôn 7, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn S đã trộm cắp của gia đình anh Phạm Duy T và chị Phạm Thị L một chiếc ví vải màu xám sọc, bên trong có số tiền 370.000đồng; một điện thoại di động nhãn hiệu Itel P51 màu vàng đồng, màn hình cảm ứng trị, một điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen B22 màu vàng. Giá trị hai chiếc điện thoại theo định giá là 1.760.000 đồng. Tổng giá trị tài sản và tiền bị cáo trộm cắp của gia đình anh Phạm Duy T và chị Phạm Thị L là 2.120.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố bị cáo về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong một bộ phận quần chúng nhân dân. Mặt khác, bị cáo là đối tượng đã từng bị xử phạt hành chính và kết án. Ngày 09/4/2013 bị Công an xã Hà Vân xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 10/5/2013 bị Công an xã Hà Bắc xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Cả hai quyết định xử phạt này bị cáo đều chưa chấp hành. Theo quy định tại điều 7 và điều 74 luật xử lý vi phạm hành chính, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt hành chính và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, tại bản án số 40/2013/HSST ngày

19/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến thời điểm phạm tội đã được xóa án tích. Mặc dù, đã được xóa án tích và được coi là chưa bị xử phạt hành chính nhưng điều đó cho thấy bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật và vị xử lý. Vì vậy, phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cần áp dụng tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Về bồi thường: Số tiền 370.000 đồng, cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Riêng hai chiếc điện thoại di động không thu hồi được, chị L và anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị hai chiếc điện thoại theo kết quả định giá tài sản. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho anh Tuấn và chị Lan.

[4]. Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe đạp màu đen, dạng xe cào cào đã cũ. Chiếc xe đạp này thuộc sở hữu hợp pháp của bà Hoàng Thị L (mẹ đẻ S), bà L không biết S đã dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp. Vì vậy, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho bà L là phù hợp. Một chiếc ví vải màu xám sọc, bên trong có số tiền 370.000 đồng; một vỏ hộp đựng điện thoại di động nhãn hiệu Itel P51 màu đỏ xanh, hộp dạng hình vuông, phía đáy hộp có số imel: 357549083980446; một vỏ hộp đựng điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen B22 màu vàng, hộp dạng hình chữ nhật, cạnh hộp có in số imel: 863305333172129, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Phạm Thị L (vợ anh T) nên cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung đã trả lại số tài sản và đồ vật nêu trên cho chị L là đúng quy định. Riêng hai chiếc điện thoại di động không thu hồi được.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 25/7/2018.

3. Về bồi thường: Căn cứ Điều 584, 585, 589, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho vợ chồng anh Phạm Duy T và chị Phạm Thị L số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh T, chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, bà Hoàng Thị L có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Duy T và chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hà Trung;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Hà Trung;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có qlnvlq;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Văn Hồng